TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/DS-PT
Ngày: 21-02-2020
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

1. Bà Huỳnh Thị Phượng

2. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Kim Chung – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 21 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 297/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ và hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2019/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 322/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Kim Q, sinh năm 1959.

Cư trú tại: Số 47/27, đường T, Phường T, thành phố T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Văn L - Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn MTV Sài Gòn Mê Kông thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1971.

Cư trú tại: Ấp P, xã T, huyện Cần G, Long An.

3. Người kháng cáo: Bị đơn là ông Nguyễn Văn N.

(Bà Q, Luật sư L và ông N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện ngày 22/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Kim Q và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Văn L trình bày:*

Trước đây thông qua các mối quan hệ bạn bè, bà Q có quen biết với ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1971 Đăng ký thường trú: Ấp P, xã T, huyện Cần G, tỉnh Long An và được ông N giới thiệu là người thường tổ chức các chuyến du lịch cho khách hàng trong và ngoài nước với giá rẻ hơn giá thị trường 50%. Do có nhu cầu đi du lịch nên bà Q đã đăng ký 02 chuyến du lịch tại Hà Nội và Singapore do ông N đứng ra tổ chức để gia đình và các chị em trong Chi hội phụ nữ Khu phố Bình An 1, Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An do bà Q làm Chi hội trưởng đi cùng. Chất lượng dịch vụ ông N cam kết tổ chức các chuyến du lịch đúng như ông N giới thiệu và hứa hẹn với bà Q nên bà Q và các chị em trong Chi hội phụ nữ hài lòng, không ai có ý kiến gì.

Sau khi đã tạo được niềm tin, đầu năm 2017 ông N gặp bà Q để chào mời kêu bà Q rủ các chị em phụ nữ trong Chi hội phụ nữ và những người quen tham gia chuyến du lịch đi Nhật Bản với giá vé 13.500.000 đồng/ người cộng thêm 2.000.000 đồng tiền phụ thu mỗi vé (tổng cộng 15.500.000 đồng/ vé), thời gian đi du lịch là tháng 3 năm 2018. Ông N nói là theo giá thị trường mức phí sẽ là 27.000.000 đồng, do ông N là người tổ chức các chuyến du lịch thường xuyên nên được ưu đãi 50% giá vé.

Tin lời ông N nên bà Q rủ những người quen mà một số chị em trong Chi hội phụ nữ tham gia. Tổng cộng có 48 người đăng ký tự nguyện tham gia với tổng số tiền là 48 x 15.500.000 đồng = 744.000.000 đồng. Bà Q đã dùng tiền cá nhân tạm ứng cho ông N thông qua hình thức chuyển khoản với số tiền tổng cộng là 556.850.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 14/6/2017 chuyển 14.250.000 đồng.
- Ngày 17/6/2017 chuyển 9.000.000 đồng.
- Ngày 29/7/2017 chuyển 13.600.000 đồng.
- Ngày 02/8/2017 chuyển 16.000.000 đồng.
- Ngày 05/8/2017 chuyển 43.000.000 đồng.
- Ngày 03/9/2017 chuyển 27.000.000 đồng.
- Ngày 05/9/2017 chuyển 19.000.000 đồng.
- Ngày 06/9/2017 chuyển 19.000.000 đồng.
- Ngày 27/10/2017 chuyển 20.000.000 đồng.
- Ngày 13/11/2017 chuyển 20.000.000 đồng.

- Ngày 13/11/2017 chuyển 10.000.000 đồng.
- Ngày 18/11/2017 chuyển 20.000.000 đồng.
- Ngày 27/11/2017 chuyển 40.000.000 đồng.
- Ngày 27/11/2017 chuyển 40.000.000 đồng.
- Ngày 18/12/2017 chuyển 10.000.000 đồng.
- Ngày 31/01/2018 chuyển 26.000.000 đồng.
- Ngày 16/3/2018 chuyển 30.000.000 đồng.
- Ngày 23/3/2018 chuyển 20.000.000 đồng.
- Ngày 19/4/2018 chuyển 10.000.000 đồng.
- Ngày 03/5/2018 chuyển 40.000.000 đồng.
- Ngày 22/5/2018 chuyển 30.000.000 đồng.
- Ngày 16/6/2018 chuyển 20.000.000 đồng.
- Ngày 18/6/2018 chuyển 10.000.000 đồng.
- Ngày 03/7/2018 chuyển 50.000.000 đồng.

Đến ngày 16/6/2018, ông N không tổ chức cho bà Q đi du lịch nên bà Q liên hệ trực tiếp để hỏi thì ông N giải thích là chưa có chương trình ưu đãi giảm giá vé nên yêu cầu bà Q chờ đến ngày 29/7/2018 sẽ được đi. Sau đó ông N lại hẹn đến ngày 17/8/2018 sẽ tổ chức đi nhưng đến nay vẫn chưa thấy thông báo chính thức của ông N.

Ngoài ra, ông N cho rằng thiếu tiền để mua vé máy bay tổ chức cho các khách hàng khác tham quan nên ngày 26/7/2017 có hỏi và vay của bà Q số tiền 14.000.000 đồng, ngày 02/7/2018 vay 186.000.000 đồng, ngày 09/7/2018 vay 120.500.000 đồng, ngày 01/7/2018 vay 90.000.000 đồng, tổng số tiền vay 410.500.000 đồng, vay không lãi suất, ông N hứa miệng đầu tháng 8/2018 sẽ hoàn trả cho bà Q toàn bộ số tiền vay nhưng ông N không thực hiện đúng như cam kết.

Bà Q nhận thấy hành vi của ông N sau khi nhận tiền để tổ chức đi du lịch và vay tiền của bà Q rồi không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết đã trực tiếp xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà Q. Do đó, bà Q khởi kiện yêu cầu ông N trả lại tiền tạm ứng chi phí du lịch là 556.850.000 đồng và trả lại số tiền nợ gốc đã vay là 410.500.000 đồng.

**Bị đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Đối với hợp đồng hợp tác du lịch, ông N và bà Q thỏa thuận đưa khách đi du lịch nhiều lần ở nhiều nơi khác nhau. Vào đầu năm 2018, ông N liên lạc với bà Q để thỏa thuận về việc đưa khách đi du lịch ở Nhật vào khoảng cuối tháng 3/2018, thỏa thuận giá vé là 13.500.000 đồng/vé, không có phụ thu 2.000.000 đồng như bà Q trình bày, lần đi du lịch này ông N nhận khoảng 40-50 khách, ông N không nhớ rõ. Nhưng trong tháng 3/2018, bà Q không giao hồ sơ đến cho ông N

làm thủ tục để đi du lịch. Đầu tháng 4/2018, bà Q mới đem hồ sơ đến cho ông N. Ông N yêu cầu bà Q 20 ngày sau thì đóng tiền để đi du lịch. Sau đó, bà Q có giao cho ông N 200.000.000 đồng, giao thành hai lần, một lần là 50.000.000 đồng thông qua bưu điện, một lần giao thông qua một người khác làm đại lý vé máy bay là 150.000.000 đồng. Tổng số tiền ông N đã nhận của bà Q để tổ chức cho các chị em trong Hội phụ nữ mà bà Q phụ trách đi du lịch Nhật bản là 200.000.000 đồng, số tiền tổ chức đi du lịch, ông N không nhận khoản tiền nào khác của bà Q. Đối với chuyến đi Nhật lần này, ông N dự kiến khoảng 8-9/2018 thì sẽ đưa khách đi Nhật. Nhưng khách hàng thay đổi ý không muốn đi nữa nên yêu cầu trả lại tiền. Số tiền 200.000.000 đồng ông N đã sử dụng chi phí cho chuyến đi du lịch khác nên không còn tiền để trả cho bà Q. Ông N thừa nhận số tài khoản 0631000471870 của thẻ ATM do Ngân hàng Vietcombank phát hành là của ông, bà Q có chuyển tiền vào tài khoản này cho ông nhiều lần.

Đối với khoản tiền vay, ông N vay tiền của bà Q 03 lần mỗi lần 40.000.000 đồng. Những lần ông N vay tiền của bà Q là do ông N gọi điện thoại cho bà Q hỏi vay tiền rồi bà Q chuyển tiền cho ông N hoặc giao tiền trực tiếp cho ông N. Ông N vay tiền của bà Q không có lãi suất, không có thỏa thuận thời hạn vay. Ông N chỉ thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 11/7/2017 là chữ ký của ông N, có ghi cụ thể là Nữa mượn 40.000.000 đồng, còn những giấy mượn khác vào các ngày 09/7/2018; 02/7/2018 và và 01 lần không ghi ngày tháng số tiền là 14.000.000 đồng ông N xem và xác định không có mượn tiền của bà Q như bà Q khai. Ngoài chữ ký đề ngày 11/7/2017 thì các chữ ký còn lại trong sổ nợ không phải là của ông N nhưng ông N không có mẫu chữ ký để cung cấp cho Tòa án để giám định chữ ký và ông N cũng không yêu cầu giám định các chữ ký còn lại trong sổ bà Q đã cung cấp.

Tổng cộng các khoản ông N còn nợ 320.000.000 đồng, ông N đồng ý trả cho bà Q số tiền 320.000.000 đồng, trả dần mỗi tháng 15.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DS-ST ngày 30/8/2019, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 513, 514, 515, 516, 517 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 494, 495, 496, 497, 498 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Kim Q yêu cầu ông Nguyễn Văn N trả lại số tiền đã nhận.

Buộc ông Nguyễn Văn N trả cho bà Phạm Kim Q số tiền 863.684.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Kim Q không yêu cầu tính lãi suất trong thời gian thi hành bản án cho đến khi ông N trả xong khoản tiền nợ.

Án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 37.910.520 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại 20.510.000 đồng cho bà Phạm Kim Q đã nộp tạm ứng án phí là theo phiếu thu số 9260 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 13/9/2019, bị đơn là ông Nguyễn Văn N kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể: Ông N chỉ đồng ý trả cho bà Phạm Kim Q tổng cộng 320.000.000 đồng gồm 200.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí để đi du lịch và 120.000.000 tiền nợ gốc đã vay.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

**Luật sư Lê Văn L – Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến*:

- Về việc bà Phạm Kim Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N trả 556.850.000 đồng tiền tạm ứng chi phí đi du lịch: Xét việc bà Q khởi kiện yêu cầu ông N trả số tiền này là có cơ sở vì bà Q chứng minh được có chuyển cho ông N số tiền này thông qua 15 "Phiếu trả tiền" của Bưu điện thị trấn Cần Giuộc và chuyển khoản qua số tài khoản 0631000471870 của ông N tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Long An.

- Về việc bà Q khởi kiện yêu cầu ông N trả 360.500.000 đồng tiền nợ gốc đã vay: Xét tại phiên tòa phúc thẩm ngày 31/10/2019, ông Quy không thừa nhận chữ ký trong các tờ giấy sau:

+ "Giấy nhận tiền" ghi ngày 26/7/2018 với số tiền 14.000.000 đồng.

+ "Giấy mượn tiền" ghi ngày 02/7/2018 với số tiền 100.000.000 đồng.

+ "Giấy mượn tiền" ghi ngày 02/7/2018 với số 86.000.000 đồng.

+ "Giấy mượn tiền" ghi ngày 09/7/2018 với số tiền 100.000.000 đồng và 01 vé đi Nhật với số tiền 25.000.000 đồng.

Ông N chỉ thừa nhận có mượn của bà Q 40.000.000 đồng trong tờ mượn tiền ghi ngày 11/7/2017.

Tuy nhiên, theo Kết luận giám định số 733/2019/KLGĐ ngày 23/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Long An thì các chữ ký trong tất cả các tờ giấy mượn tiền trên là của ông N.

Từ đó, Luật sư Lê Văn L đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn N thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

- Về việc ông Nguyễn Văn N kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà Phạm Kim Q 200.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí để đi du lịch:

Bà Phạm Kim Q khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Văn N trả lại cho bà số tiền mà ông N đã nhận tổ chức đi Nhật du lịch cho bà Q và người thân nhưng chưa thực hiện được tổng cộng 556.850.000 đồng mà bà Q đã chuyển khoản 24 lần (theo lời trình bày của bà Q và chứng cứ của Ngân hàng Vietcombank cung cấp). Đồng thời bà Q cũng yêu cầu ông N trả lại số tiền vay cùa bà ngày 26/7/2017 là 14.000.000 đồng, ngày 02/7/2018 vay 186.000.000 đồng, ngày 09/7/2018 vay 120.500.000đồng, ngày 01/7/2018 vay 90.000.000 đồng. Tổng cộng ông N đã vay 410.500.000 đồng, vay không lãi suất.

Trong quá trình xét xử vụ án ông N và bà Q không cung cấp được hợp đồng có thoả thuận làm dịch vụ đưa người đi du lịch nước ngoài. Nhưng ông N thừa nhận có thoả thuận miệng là tổ chức cho bà Q và nhiều người khác đi Nhật nhưng chưa tổ chức được.

Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, các chứng cứ là phiếu trả tiền mà Toà án nhân huyện Cần Giuộc thu thập được tại Bưu điện huyện Cần Giuộc từ ngày 14/6/2017 đến ngày 11/7/2018.

Đối với chứng từ thu thập được của Ngân hàng Vietcombank từ ngày 31/01/2018 đến ngày 30/7/2018 ông N nhận được của bà Q là 186.000.000 đồng.

Đối với số tiền bà Q cho rằng đã cho ông N vay (không lãi suất), ông N cũng thừa nhận nhưng tại tòa phúc thẩm không đồng ý.

Xét kháng cáo của ông N thấy rằng giữa ông N và bà Q không cung cấp được hợp đồng dịch vụ du lịch. Nhưng ông N thừa nhận có thoả thuận miệng với bà Q là tổ chức cho bà Q và bạn bè của bà Q đi Nhật vào khoảng tháng 03/2018. Để thể hiện thoả thuận này bà Q đã nhiều lần chuyển tiền cho ông N qua Bưu điện huyện Cần Giuộc. Tuy nhiên ông N lại xác định là việc chuyển tiền mà ông nhận là

ông tổ chức cho bà Q và bạn bà Q đã đi rồi: đi Phú Quốc, Hà Nội, đi 03 nước (Indonesia, Singapore, Malaysia). Nhưng ông N đều không cung cấp các giấy tờ cho các chuyến đi mà ông đã nêu ra. Phía bà Q chuyển tiền cho ông N trình bày là thoả thuận từ đầu năm 2018 sẽ tổ chức vào tháng 03/2018, còn bà Q thì trình bày là thoả thuận đi Nhật đầu năm 2017, dự kiến đi vào tháng 09/2018. Tuy nhiên tại phiên toà phúc thẩm thì bà lại có lời trình bày là chuyển tiền trước khi đi Nhật 02 tháng và dự kiến đi vào tháng 03/2018. Thấy rằng lời trình bày của các bên đều không thống nhất và có nhiều mâu thuẫn. Bản thân bà Q đi kiện cung cấp các giấy tờ chuyển tiền cũng không ghi rõ mục đích chuyển tiền để đi du lịch Nhật Bản. Trong khi cả bà Q và ông N đều thừa nhận năm 2017 ông N có tổ chức cho bà Q đi du lịch nhưng cả hai cũng không cung cấp giấy tờ quyết toán cho các chuyến du lịch đó. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận giấy chuyển tiền năm 2017 mà bà Q chuyển cho ông N là để đi du lịch Nhật Bản. Đề nghị chấp nhận các giấy tờ chuyển tiền năm 2018 tổng cộng 186.000.000 đồng.

- Về việc ông Nguyễn Văn N kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà Phạm Kim Q 120.000.000 đồng tiền nợ gốc đã vay: Xét trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp phúc thẩm, ông N không thừa nhận chữ ký trong 04 tờ "Giấy nhận tiền" và "Giấy mượn tiền" sau: "Giấy nhận tiền" ghi ngày 26/7/2018 với số tiền 14.000.000 đồng; "Giấy mượn tiền" ghi ngày 02/7/2018 với số tiền 100.000.000 đồng; "Giấy mượn tiền" ghi ngày 02/7/2018 với số 86.000.000 đồng và "Giấy mượn tiền" ghi ngày 09/7/2018 với số tiền 100.000.000 đồng và 01 vé đi Nhật với số tiền 25.000.000 đồng. Ông N chỉ thừa nhận có mượn của bà Q 40.000.000 đồng trong tờ mượn tiền ghi ngày 11/7/2017. Tổng các khoản trên là 360.500.000 đồng. Tuy nhiên, theo Kết luận giám định số 733/2019/KLGĐ ngày 23/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Long An thì chữ ký trong 04 "Giấy nhận tiền" và "Giấy mượn tiền" trên là chữ ký của ông N. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc ông N có nghĩa vụ trả cho bà Q 360.500.000 đồng tiền nợ gốc đã vay là có cơ sở.

- Về việc Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim Q: Xét bà Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N trả tổng cộng 967.350.000 đồng tiền tạm ứng chi phí du lịch và tiền nợ gốc đã vay. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q, buộc ông N trả cho bà Q tổng cộng là 863.684.000 đồng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên xử không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q là thiếu sót nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần này.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, sửa bản án dân sự sơ thẩm. khoản 2 Điều 308 BLTTDS Cải sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn N thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về việc ông Nguyễn Văn N kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà Phạm Kim Q 200.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí để đi du lịch:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định: Do ông N có quen biết với bà Q nên vào năm 2016, ông N có làm môi giới cho bà Q và những người khác (trong Chi hội phụ nữ Khu phố Bình An 1, Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An do bà Q làm Chi hội trưởng) đi du lịch ở trong nước và nước ngoài. Đến năm 2017, ông N có thỏa thuận với bà Q là sẽ tổ chức cho bà Q và những người khác đi du lịch ở Nhật Bản vào tháng 3/2018 với giá vé 13.500.000 đồng/người và 2.000.000 đồng tiền phụ thu nên mỗi vé là 15.500.000 đồng, số lượng người đi khoảng 50 người.

Sau khi thỏa thuận xong, bà Q gom tiền của những người muốn đi du lịch để chuyển cho ông N, cụ thể: Theo các "Phiếu trả tiền" do Bưu điện thị trấn Cần Giuộc cung cấp thì thể hiện từ ngày 14/6/2017 đến ngày 11/7/2018, bà Q đã chuyển cho ông N 15 lần, tổng cộng là 317.184.000 đồng. Ngoài ra, từ ngày 31/01/2018 cho đến ngày 30/7/2018, bà Q còn chuyển cho ông N tổng cộng 186.000.000 đồng thông qua số tài khoản 0631000471870 của ông N tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Long An – Phòng Giao dịch Tân An.

Như vậy, từ ngày 14/6/2017 đến ngày 30/7/2018, bà Q đã chuyển cho ông N tổng cộng 503.184.000 đồng (317.184.000 đồng + 186.000.000 đồng).

Xét trong quá trình giải quyết vụ án này, ông N thừa nhận có nhận tiền để tổ chức đi du lịch ở Nhật Bản do bà Q chuyển qua Bưu điện thị trấn Cần Giuộc và chuyển vào tài khoản Ngân hàng của ông. Tuy nhiên, trong tổng số tiền này, chỉ có 200.000.000 đồng là do bà Q tạm ứng để đi du lịch ở Nhật Bản, số còn lại là do bà Q thanh toán những chuyến đã đi du lịch khác. Xét tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 28/6/2019, ông N trình bày: "... Vào tháng 6 năm 2017, ông N có thỏa thuận với bà Q là tổ chức cho bà Q và các người trong Hội phụ nữ của bà Q đi Nhật Bản vào tháng 3 năm 2018 đi. Thời gian chuyển tiền cho ông N từ tháng 6/2017...". Như vậy, ông N thừa nhận ông và bà Q có thỏa thuận thời gian bà Q chuyển tiền tạm ứng để đi du lịch ở Nhật Bản là từ tháng 6/2017. Theo "Phiếu trả tiền" do Bưu điện thị trấn Cần Giuộc cung cấp thì thể hiện từ ngày 14/6/2017, ông N có nhận tiền do bà Q chuyển. Ông N cho rằng trong tổng số tiền 503.184.000 đồng mà bà Q đã chuyển cho ông N thì chỉ có 200.000.000 đồng là do bà Q tạm ứng để đi du lịch ở Nhật Bản, số còn lại là do bà Q thanh toán những chuyến đã đi du lịch khác nhưng ông N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc ông N có nghĩa vụ trả cho bà Q tổng cộng 503.184.000 đồng (317.184.000 đồng + 186.000.000 đồng) tiền tạm ứng chi phí để đi du lịch là có căn cứ.

[3] Về việc ông Nguyễn Văn N kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà Phạm Kim Q 120.000.000 đồng tiền nợ gốc đã vay:

Xét trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp phúc thẩm, ông N không thừa nhận chữ ký trong các tờ "Giấy nhận tiền" và "Giấy mượn tiền" sau:

- "Giấy nhận tiền" ghi ngày 26/7/2018 với số tiền 14.000.000 đồng.

- "Giấy mượn tiền" ghi ngày 02/7/2018 với số tiền 100.000.000 đồng.

- "Giấy mượn tiền" ghi ngày 02/7/2018 với số 86.000.000 đồng.

- "Giấy mượn tiền" ghi ngày 09/7/2018 với số tiền 100.000.000 đồng và 01 vé đi Nhật với số tiền 25.000.000 đồng.

Ông N chỉ thừa nhận có mượn của bà Q 40.000.000 đồng trong tờ mượn tiền ghi ngày 11/7/2017.

Tổng các khoản trên là 360.500.000 đồng.

Tuy nhiên, theo Kết luận giám định số 733/2019/KLGĐ ngày 23/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Long An thì chữ ký trong 05 "Giấy nhận tiền" và "Giấy mượn tiền" trên so với chữ ký trong các tờ giấy, văn bản: 02 "Phiếu trả tiền" ghi ngày 27/11/2017; 01 "Phiếu trả tiền" ghi ngày 15/12/2017; Biên bản họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22/10/2018; Biên bản hòa giải ngày 22/10/2018; Biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 28/6/2019; Đơn kháng cáo ngày 13/9/2019; Biên bản về việc kháng cáo ngày 13/9/2019 và tờ đơn Kính gửi Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An là do cùng một người ký ra, tức là chữ ký của ông N.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc ông N có nghĩa vụ trả cho bà Q 360.500.000 đồng tiền nợ gốc đã vay là đúng theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về việc Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim Q:

Xét bà Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N trả 556.850.000 đồng tiền tạm ứng chi phí du lịch và 410.500.000 đồng tiền nợ gốc đã vay, tổng cộng là 967.350.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q, buộc ông N trả cho bà Q 503.184.000 đồng tiền tạm ứng chi phí đi du lịch và 360.500.000 đồng tiền nợ gốc đã vay, tổng cộng là 863.684.000 đồng. Như vậy, phần yêu cầu khởi kiện của bà Q không được chấp nhận là 103.666.000 đồng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên xử không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q là thiếu sót nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần này, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[5] Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Xét trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm, bà Q không yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ chậm thi hành án, tức kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án không phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét đây là sự tự nguyện của bà Q nên được chấp nhận.

[5] Từ nhận định ở các đoạn [2], [3] và [4], Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, sửa bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do bà Phạm Kim Q, sinh năm 1959, tính đến nay đã hơn 60 tuổi nên là người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi năm 2009. Do đó, bà Q được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nói trên.

Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim Q được chấp nhận là: 36.000.000 đồng + 03% x (863.684.000 đồng – 800.000.000 đồng) = 37.910.520 đồng.

Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

[7] Về chi phí giám định: Tổng cộng là 8.300.000 đồng và bị đơn là ông Nguyễn Văn N đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí này. Các đương sự phải chịu chi phí giám định theo quy định tại các Điều 161, 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do kết luận giám định chứng minh yêu cầu của ông N là không có căn cứ nên ông N phải chịu toàn bộ chi phí này và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 161, 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 164 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim Q về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N trả số tiền tạm ứng chi phí để đi du lịch và số tiền nợ gốc đã vay.

Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phạm Kim Q 503.184.000 đồng tiền tạm ứng chi phí du lịch và 360.500.000 đồng tiền nợ gốc đã vay, tổng cộng là 863.684.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng*).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Kim Q, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án không phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim Q về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N trả 103.666.000 đồng tiền tạm ứng chi phí du lịch và tiền nợ gốc đã vay.

3. Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 8.300.000 đồng (*Tám triệu ba trăm nghìn đồng*) và đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Kim Q được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Q 20.510.000 đồng (*Hai mươi triệu năm trăm mười nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009260 ngày 05/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc.

Buộc ông Nguyễn Văn N phải nộp 37.910.520 đồng (*Ba mươi bảy triệu chín trăm mười nghìn năm trăm hai mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001533 ngày 13/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc nên ông N không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tuấn